

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ TRUNG QUỐC

Nguyễn Thị Vĩnh Bình¹

Email: binh.ntv@tmu.edu.vn, ORCID: 0009-0006-2997-4337

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/8/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1395

Tóm tắt: Trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những hướng tiếp cận mới trong giảng dạy ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc, vượt ra ngoài những giới hạn của phương pháp truyền thống. Bài báo tổng hợp cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất ba nhóm giải pháp ứng dụng AI cụ thể trong học phần Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc tại Trường Đại học Thương mại: video AI, trợ lý hội thoại AI và khai thác ngữ liệu thông minh. Thực nghiệm tại Khoa Tiếng Trung Quốc trong năm học 2025-2026 cho thấy phương pháp tích hợp AI mang lại hiệu quả rõ rệt về kết quả học tập lẫn thái độ và hứng thú của sinh viên. Bài báo khẳng định AI không thay thế người thầy mà kiến tạo môi trường học tập đa chiều, giúp người học tiếp cận ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc sâu sắc và bền vững hơn, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc, trí tuệ nhân tạo, video AI, hội thoại AI

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) đang định hình lại cách thức sản xuất tri thức và truyền tải thông tin trên toàn cầu, ngành giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam đứng trước cả thời cơ lẫn thách thức. Một mặt, nhu cầu nhân lực thành thạo tiếng Trung Quốc và am hiểu văn hoá Trung Quốc không ngừng tăng cao, gắn liền với sự mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại Việt - Trung trong giai đoạn hiện nay. Mặt khác, phương pháp giảng dạy truyền thống vốn dựa nhiều vào

lời giảng một chiều và giáo trình in sẵn đang dần bộc lộ những giới hạn rõ rệt về khả năng kích thích hứng thú và duy trì trí nhớ lâu dài của người học.

Học phần Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc có tính liên ngành, người học không chỉ cần nắm vững chữ Hán, ngữ âm tiếng phổ thông mà còn phải cảm nhận được chiều sâu văn hoá ẩn chứa trong từng đơn vị ngôn ngữ. Trong bối cảnh nhu cầu học tiếng Hán lan rộng toàn cầu, lớp học đối ngoại không chỉ còn là nơi truyền thụ kỹ năng ngôn ngữ mà còn

¹ Trường Đại học Thương Mại, Hà Nội, Việt Nam

mang sứ mệnh truyền bá văn hoá, thúc đẩy giao lưu văn minh. Đây chính là điểm mà công nghệ AI có thể hỗ trợ một cách hiệu quả, không chỉ như công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà như một nhân tố kiến tạo môi trường học tập toàn diện.

Tại Khoa Tiếng Trung Quốc - Trường Đại học Thương mại đã triển khai thực nghiệm dạy học đa phương tiện trong năm học 2025-2026 và thu được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để tích hợp các công cụ AI một cách có hệ thống và có cơ sở lý luận vững chắc vào quá trình dạy học ngôn ngữ và văn hoá, chứ không chỉ dừng lại ở việc dùng công nghệ như một phương tiện minh hoạ đơn thuần. Bài báo được thực hiện nhằm trả lời câu hỏi đó, đồng thời đề xuất một khung ứng dụng AI khả thi, có tính thực tiễn cao cho học phần Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc ở bậc đại học.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết học tập đa phương tiện và nền tảng ứng dụng AI

Lý thuyết học tập đa phương tiện của Mayer (2009) khẳng định người học tiếp thu kiến thức sâu sắc và bền vững hơn khi thông tin được trình bày đồng thời qua nhiều kênh truyền tải, đặc biệt là sự kết hợp giữa hình ảnh và lời nói so với chỉ dựa vào một kênh duy nhất. Nguyên lý này có ý nghĩa trực tiếp đối với học phần Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc: người học phải đồng thời xử lý chữ Hán (kênh thị giác), phát âm tiếng Trung Quốc (kênh âm thanh) và bối cảnh văn hoá. Khi AI được tích hợp vào khung lý thuyết này, các kênh truyền tải không chỉ được đa dạng hoá mà còn trở nên thích ứng linh hoạt: video AI kích hoạt đồng thời kênh thị giác và âm thanh;

hội thoại AI cung cấp kênh tương tác cá nhân hoá không giới hạn. Đây chính là cách lý thuyết đa phương tiện được hiện thực hoá trong môi trường AI hiện đại.

Công cụ AI tạo sinh có khả năng cá nhân hoá nội dung học tập ở cấp độ từng người học, điều mà phương pháp giảng dạy truyền thống không thể đạt được. Cụ thể trong ngữ cảnh học phần Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc, AI có thể tạo ra ngữ liệu phong phú, đa dạng về chủ đề văn hoá theo đúng nhu cầu của từng đơn vị bài học, từ cảnh huống lễ tết, ẩm thực, đến nghệ thuật biểu diễn, khắc phục tình trạng giáo trình lạc hậu và đơn điệu so với thực tế giao tiếp hiện nay.

2.2. Lý thuyết xây dựng kép ngôn ngữ và văn hoá trong dạy học tiếng Hán đối ngoại

Gao (2022) đề xuất lý thuyết “xây dựng kép” trong dạy học tiếng Hán quốc tế, theo đó ngôn ngữ và văn hoá không phải là hai đối tượng dạy học song song mà phải được kiến tạo đồng thời trong cùng một trải nghiệm học tập. Tác giả lập luận rằng lớp học lý tưởng phải tạo ra trải nghiệm ngôn ngữ trong văn hoá, trong đó từng yếu tố ngôn ngữ được tiếp nhận trong bối cảnh văn hoá cụ thể, không tách rời thành khái niệm trừu tượng trên trang giáo trình. Lý thuyết này lý giải vì sao các giải pháp AI được đề xuất trong bài báo đều được thiết kế theo nguyên tắc văn hoá đi kèm ngôn ngữ, sử dụng AI xây dựng cảnh huống văn hoá trước rồi mới tích hợp từ vựng; hội thoại AI mô phỏng giao tiếp thực trong ngữ cảnh văn hoá Trung Quốc cụ thể.

He (2023) cho rằng sự trỗi dậy của các mô hình ngôn ngữ lớn như ChatGPT mở ra cả cơ hội lẫn thách thức cho giáo dục

ngôn ngữ và văn hoá, đòi hỏi người dạy chủ động khai thác công nghệ để làm phong phú hình thức lớp học và nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá cho người học. Trên tinh thần đó, việc tích hợp văn hoá truyền thống Trung Hoa vào lớp học đối ngoại cần được triển khai đồng thời trên ba chiều: thúc đẩy truyền bá văn hoá ra ngoài biên giới, nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá, và làm phong phú hình thức lớp học nhằm tăng động lực học tập. AI là công cụ kỹ thuật giúp hiện thực hoá đồng thời cả ba chiều ý nghĩa này trong một bài giảng: AI không chỉ là phương tiện hỗ trợ mà còn là điều kiện kiến tạo sự phạm cho sự tích hợp ngôn ngữ và văn hoá toàn diện, trong đó AI và giáo viên là quan hệ hợp tác bổ trợ lẫn nhau (Nguyễn, 2026).

2.3. AIGC và chuyển đổi số trong dạy học ngôn ngữ

Jiang và Wang (2021) nhận thấy rằng các yếu tố văn hoá trong giáo trình tiếng Trung Quốc hiện hành phần lớn được trình bày dưới dạng văn bản mô tả

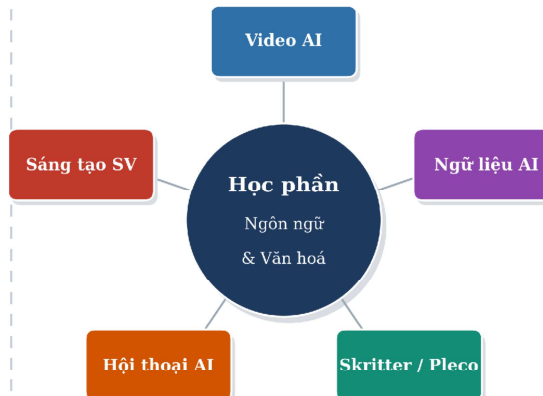
tĩnh, thiếu tính tương tác và chiều sâu trải nghiệm. Từ đó, cần bổ sung nguồn học liệu văn hoá động, đa phương tiện cho giáo trình đang có. Đây chính là khoảng trống mà AI tạo sinh có thể lấp đầy, không thay thế giáo trình mà bổ sung bằng các nội dung văn hoá sống động, có thể cập nhật liên tục và điều chỉnh theo từng bối cảnh giảng dạy cụ thể.

Jiang và Wang (2021) lập luận rằng dạy học ngôn ngữ hiện đại cần trang bị cho sinh viên không chỉ năng lực ngôn ngữ mà còn năng lực học tập ngôn ngữ, tức khả năng tự khai thác ngữ liệu, phát hiện quy luật ngôn ngữ trong bối cảnh văn hoá và phản tư về sự khác biệt liên văn hoá. Năng lực này chỉ có thể hình thành khi người học được tiếp xúc với các công cụ tra cứu thông minh trong suốt quá trình học tập, không phải chỉ được nghe giảng về văn hoá. Điều này củng cố nguyên tắc thiết kế thứ ba trong nghiên cứu: AI được khai thác để xây dựng năng lực tự học bền vững, không chỉ để hỗ trợ kết quả trong một học phần cụ thể.

Mô hình dạy học truyền thống



Mô hình dạy học tích hợp AI



Hình 1. So sánh mô hình dạy học truyền thống và mô hình tích hợp AI

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp giữa phân tích lý luận và thực nghiệm sư phạm. Phân phân tích lý luận tổng hợp có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ứng dụng AI trong dạy học ngôn ngữ và văn hoá, nhằm xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc thiết kế các hoạt động dạy học. Từ khung lý luận đó, bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp ứng dụng AI và triển khai thực nghiệm trực tiếp tại Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Thương mại trong năm học 2025-2026.

Thực nghiệm được tổ chức theo mô hình nhóm song song có đối chứng. Do điều kiện tổ chức lớp theo thời khoá biểu, việc phân nhóm được thực hiện theo các lớp học phân sẵn có (phân nhóm theo cụm lớp) thay vì ngẫu nhiên hoá từng cá nhân: nhóm thực nghiệm gồm 103 sinh viên học theo phương pháp tích hợp AI; nhóm đối chứng gồm 103 sinh viên học theo phương pháp truyền thống. Cả hai nhóm thuộc cùng khoá học và do cùng một giảng viên phụ trách nhằm loại trừ hiệu ứng người dạy. Trước thực nghiệm, cả hai nhóm cùng làm một bài kiểm tra đầu vào (baseline); kết quả cho thấy điểm trung bình đầu vào của hai nhóm không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), xác nhận trình độ đầu vào tương đương. Công cụ thu thập dữ liệu gồm: phiếu khảo sát trước và sau thực nghiệm (thang Likert 5 bậc), bài kiểm tra cuối học phần và bài viết 100 chữ Hán thông dụng.

Bên cạnh dữ liệu định lượng, bài viết tiến hành quan sát trực tiếp 12 tiết học

và ghi chép định tính về không khí lớp học, mức độ tham gia của sinh viên và chất lượng sản phẩm học tập. Sau thực nghiệm, 12 sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm được lựa chọn phỏng vấn bán cấu trúc theo nguyên tắc đa dạng về kết quả học tập (4 sinh viên khá-giỏi, 4 trung bình, 4 yếu) nhằm phản ánh nhiều góc nhìn khác nhau. Dữ liệu phỏng vấn được ghi âm, gõ băng và mã hoá theo quy trình phân tích chủ đề (thematic analysis): mã hoá mở để hình thành các mã ban đầu, sau đó nhóm thành các chủ đề chính về cảm nhận của sinh viên đối với từng công cụ AI. Sự kết hợp giữa số liệu định lượng và phân tích định tính giúp hiểu sâu hơn về cơ chế tác động của từng công cụ AI đối với quá trình tiếp nhận ngôn ngữ và văn hoá của sinh viên.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng dạy học và nhu cầu đổi mới

Qua khảo sát 103 sinh viên trước thực nghiệm, bức tranh về thực trạng dạy học học phần hiện ra rõ nét. Tỷ lệ sinh viên đánh giá giờ học “sinh động và hấp dẫn” chỉ đạt 11%; chỉ 18% cảm thấy tự tin khi trình bày về văn hoá Trung Quốc bằng tiếng Trung; và 24% xác nhận các hoạt động thực hành hiện tại giúp ghi nhớ từ vựng và kiến thức văn hoá tốt. Trong khi đó, tới 91% sinh viên mong muốn được học theo cách tiếp cận đa dạng và mới hơn. Những số liệu này vẽ lên một nghịch lý đáng chú ý: nhu cầu đổi mới gần như đồng thuận tuyệt đối, trong khi hiệu quả cảm nhận của phương pháp hiện tại còn thấp trên cả ba chiều quan trọng của học phần.

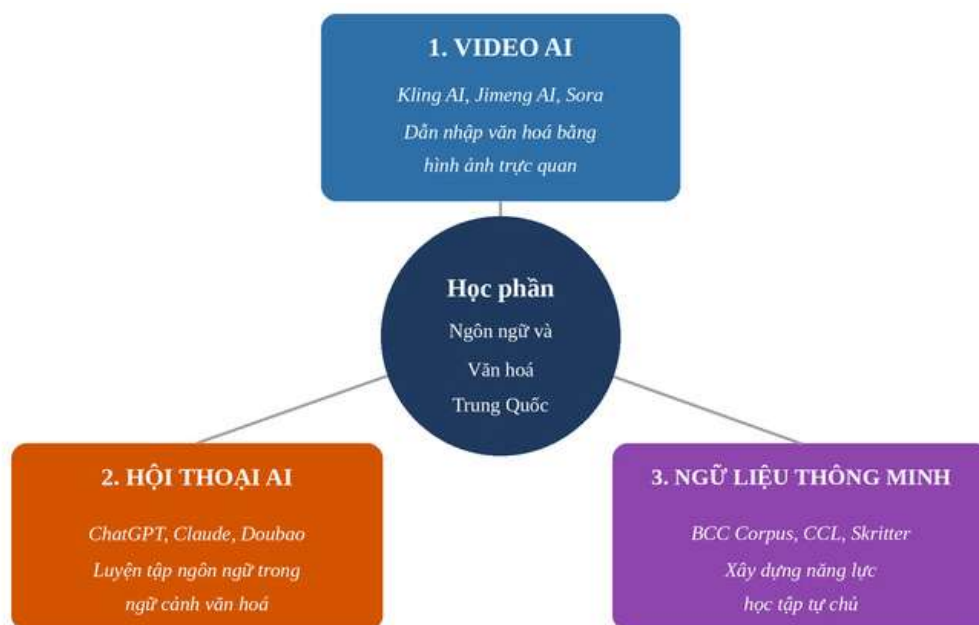
Bảng 1. Kết quả khảo sát trước thực nghiệm về thực trạng dạy học (n = 103)

Tiêu chí đánh giá	Tỉ lệ đồng ý (%)	ĐTB	ĐLC
Giờ học sinh động và hấp dẫn	11%	2,10	0,98
Tự tin trình bày văn hoá TQ bằng tiếng Trung	18%	2,35	1,04
Thực hành giúp ghi nhớ từ vựng và kiến thức văn hoá tốt	24%	2,60	1,06
Mong muốn học theo cách tiếp cận mới và đa dạng hơn	91%	4,38	0,72

4.2. Ba nhóm giải pháp ứng dụng AI trong giảng dạy ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc

Dựa trên cơ sở lý luận đã trình bày và thực trạng được xác định qua khảo sát, bài viết đề xuất và thực nghiệm ba nhóm giải pháp ứng dụng AI. Các giải pháp này

được thiết kế theo nguyên tắc nhất quán với lý thuyết xây dựng kép của Gao (2022): văn hoá và ngôn ngữ luôn được tích hợp trong cùng một hoạt động học tập. Đồng thời, mỗi giải pháp đều hướng tới việc kích hoạt nhiều kênh truyền tải theo lý thuyết đa phương tiện của Mayer (2009).



Hình 2. Khung ứng dụng AI trong giảng dạy học phần Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc

4.2.1. Video AI - dẫn nhập văn hoá bằng hình ảnh trực quan

Video AI là những đoạn video ngắn từ 60 giây đến 3 phút được tạo ra bằng các công cụ tạo sinh như Kling AI, Jimeng AI hay Sora, phục vụ trực tiếp mục tiêu bài học. So với video sưu tầm sẵn từ Internet, video AI có ưu thế nổi bật là giáo viên hoàn toàn kiểm soát nội dung và có thể thiết kế chính xác cảnh

hướng phù hợp với từng đơn vị kiến thức văn hoá, qua đó tận dụng tốt cơ hội mà các công cụ tạo sinh mang lại cho giáo dục ngôn ngữ và văn hoá (He, 2023). Trong bài học về y học cổ truyền, chẳng hạn, video AI có thể dàn dựng hai cảnh đối lập - bác sĩ phương Tây kê thuốc viên cho bệnh nhân, và thầy thuốc Đông y thực hiện “vọng văn vấn thiết” rồi kê đơn thuốc thang. Sự tương phản trực

quan giúp người học nhận ra sự khác biệt văn hoá một cách tự nhiên, không cần giải thích dài dòng.

Trong thực nghiệm, giảng viên ứng dụng video AI theo bốn bước gắn trực tiếp với cấu trúc giờ học: (1) dẫn nhập chủ đề bằng cảnh hướng đối lập văn hoá; (2) làm rõ điểm khó bằng cảnh hướng cụ thể hoá khái niệm trừu tượng; (3) luyện tập ngôn ngữ bằng cách cho sinh viên lồng tiếng vào video không âm thanh; (4) giao bài tự tạo video về chủ đề văn hoá được chỉ định. Ở mỗi bước, ngôn ngữ và văn hoá đều được xử lý đồng thời, phù hợp với nguyên lý xây dựng kép của Gao (2022). Một sinh viên chia sẻ: Khi thấy hình ảnh ông thầy thuốc Đông y trong video, em hiểu ngay tại sao người Trung Quốc hay nói 调理 (cân bằng, bồi bổ) chứ không nói 治疗 (trị liệu) khi nói về sức khoẻ.”

4.2.2. Trợ lý hội thoại AI - luyện tập ngôn ngữ trong ngữ cảnh văn hoá

Trợ lý hội thoại AI gồm các công cụ như ChatGPT, Claude, Doubao hay Kimi, có khả năng mô phỏng đối tác giao tiếp bản ngữ với sự linh hoạt và kiên nhẫn mà giáo viên không thể duy trì liên tục trong lớp học đông người. Yuan và cộng sự (2023) xác nhận rằng sinh viên sử dụng trợ lý hội thoại AI đều đặn khoảng 15-20 phút mỗi ngày trong vòng tám tuần đạt mức tiến bộ về kỹ năng nói cao hơn so với nhóm không sử dụng. Điều này phù hợp với lý thuyết đa phương tiện: kênh tương tác cá nhân hoá của AI kích hoạt đồng thời kênh ngôn ngữ và kênh ngữ nghĩa, văn hoá.

Sinh viên không được dùng AI tự do mà được yêu cầu luyện tập theo chủ đề văn hoá cụ thể như: chào hỏi và từ chối lời khen theo phong cách Trung Quốc, thương lượng mặc cả tại chợ truyền thống,

mời khách dự tiệc Tết. Sau mỗi buổi luyện tập, sinh viên ghi chép lại những biểu hiện ngôn ngữ đặc thù về văn hoá rồi thảo luận nhóm để phân tích ý nghĩa văn hoá ẩn sau các cách nói đó. Cách làm này biến trợ lý AI từ máy luyện phát âm thành đối tác nghiên cứu văn hoá, hoàn toàn nhất quán với nguyên lý xây dựng kép của Gao (2022).

4.2.3. Khai thác ngữ liệu thông minh- xây dựng năng lực học tập tự chủ

Jiang và Wang (2021) lập luận rằng dạy học ngôn ngữ hiện đại cần trang bị cho sinh viên năng lực học tập ngôn ngữ, tức khả năng tự khai thác ngữ liệu và phân tư về sự khác biệt liên văn hoá. Kho ngữ liệu có hỗ trợ AI như BCC Corpus và CCL Corpus cho phép sinh viên tìm kiếm và phân tích hàng nghìn ví dụ thực tế về cách từ ngữ được sử dụng trong các bối cảnh văn hoá khác nhau. Trong thực nghiệm, khi sinh viên tự tra cứu cách dùng từ “礼” (lễ) và phát hiện sự khác biệt giữa 礼仪 (lễ nghi), 礼貌 (lễ phép) và 礼节 (lễ tiết) qua ngữ liệu thực tế, mức độ hiểu về khái niệm văn hoá này sâu hơn nhiều so với tiếp nhận qua lời giải thích trực tiếp của giáo viên. Điều này phản ánh đúng quan điểm của Zhang (2003) rằng nhiều từ ngữ tiếng Hán mang ý nghĩa văn hoá phụ gia, chỉ có thể nắm bắt đầy đủ khi được đặt trong ngữ cảnh sử dụng thực tế.

Ngoài ngữ liệu chuyên ngành, ứng dụng luyện chữ Hán thông minh như Skritter và Pleco cũng được tích hợp vào hệ thống học liệu. Skritter cung cấp phản hồi tức thì về đúng sai trong từng nét bút và thống kê tiến độ cá nhân; Pleco cho phép tra nghĩa trong ngữ cảnh và ôn tập theo nguyên lý ôn tập phân tán, giúp chữ Hán đi vào trí nhớ dài hạn hiệu quả hơn so với viết tay lặp lại cơ học.



Hình 3. Hệ sinh thái công cụ AI được ứng dụng trong học phần Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc

4.3. Cấu trúc giờ học điển hình tích hợp AI

Để minh hoạ cách ba nhóm giải pháp AI được phối hợp trong thực tế,

dưới đây là cấu trúc giờ học 90 phút với chủ đề “Lễ tết truyền thống Trung Quốc”, một trong những chủ đề trọng tâm của học phần.

Bảng 2. Cấu trúc giờ học 90 phút tích hợp AI - chủ đề “Lễ tết truyền thống Trung Quốc”

Giai đoạn	Hoạt động AI	Công cụ AI	Thời lượng	Kênh truyền tải
Dẫn nhập	Xem video AI cảnh Tết Nguyên Đán; so sánh với Tết Việt Nam; đoán từ vựng	Kling AI / Jimeng AI	10 phút	Âm thanh + Hình ảnh + Tương tác
Khám phá	Khám phá ảnh AI về không gian Từ Cấm Thành ngày Tết; tra từ vựng qua BCC Corpus	Kling AI / BCC Corpus	20 phút	Thị giác + Ngôn ngữ + Khám phá
Luyện tập	Nhóm làm áp phích kết hợp tra ngữ liệu AI; viết chữ Hán + chú thích song ngữ	BCC Corpus + Skritter	35 phút	Ngôn ngữ + Hình ảnh + Vận động
Trình bày	Đại diện nhóm thuyết trình bằng tiếng Trung; lớp phản hồi qua trợ lý hội thoại AI	ChatGPT / Doubao	20 phút	Ngôn ngữ + Tương tác
Củng cố	Sinh viên tự hỏi thêm về điểm chưa rõ qua trợ lý AI; chia sẻ sản phẩm lên nhóm lớp	Claude / Kimi	5 phút	Công nghệ số + Ngôn ngữ

4.4. So sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Sau khi kết thúc học phần, cả hai nhóm thực hiện cùng đề kiểm tra và bài thi cuối kỳ. Nhóm thực nghiệm đạt điểm trung bình 7,8/10, cao hơn 0,9 điểm so với nhóm đối chứng (6,9/10); kiểm định t độc lập cho thấy chênh lệch này có ý nghĩa thống kê ($t = 3,42$; $p = 0,001 < 0,05$) với cỡ hiệu ứng ở mức trung bình (Cohen's $d \approx 0,48$; Cohen, 1988). Đối với các biến tỉ lệ, do dữ liệu có dạng nhị phân nên nghiên cứu sử dụng kiểm định khi

binh phương (χ^2) thay cho kiểm định t vốn không phù hợp với dữ liệu tỉ lệ. Tỉ lệ sinh viên đạt loại Giỏi - Xuất sắc ở nhóm thực nghiệm (38%) cao gần gấp đôi nhóm đối chứng (19%), khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\chi^2(1) = 8,57$; $p = 0,003$) với tỉ số chênh $OR \approx 2,53$. Tương tự, bài viết 100 chữ Hán thông dụng ghi nhận 81% sinh viên nhóm thực nghiệm viết đúng so với 67% nhóm đối chứng ($\chi^2(1) = 4,92$; $p = 0,027$; $OR \approx 2,04$), cho thấy hiệu quả rõ rệt của việc phối hợp luyện viết thủ công với ứng dụng Skritter. Kết quả này phù hợp với

xu hướng được ghi nhận trong các nghiên cứu trước về tác động tích cực của công cụ AI tạo sinh đối với việc tiếp nhận tiếng Hán (Yuan & cộng sự, 2023; Kohnke &

cộng sự, 2023), cũng như với thực tiễn ứng dụng AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội (Nguyễn, 2025).

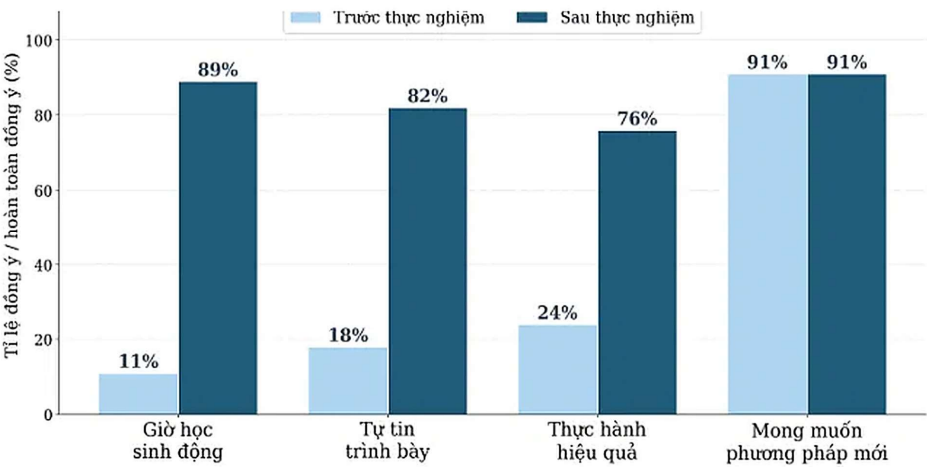
Bảng 3. So sánh kết quả học tập giữa nhóm thực nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC)

Tiêu chí	Nhóm TN (n=103)	Nhóm ĐC (n=103)	Kiểm định thống kê	Cỡ hiệu ứng
Điểm trung bình cuối học phần (/10)	7,8	6,9	$t = 3,42; p = 0,001$	$d \approx 0,48$
Tỉ lệ viết đúng 100 chữ Hán thông dụng (%)	81%	67%	$\chi^2(1) = 4,92; p = 0,027$	$OR \approx 2,04$
Tỉ lệ đạt loại Giỏi - Xuất sắc (%)	38%	19%	$\chi^2(1) = 8,57; p = 0,003$	$OR \approx 2,53$
ĐTB khảo sát hài lòng sau thực nghiệm (/5,00)	4,22	-	-	-

4.5. Phản hồi của sinh viên và phân tích định tính

Khảo sát sau thực nghiệm với 103 sinh viên cho thấy điểm trung bình tổng thể 14 tiêu chí đạt 4,22/5,00, tăng đáng kể

so với 3,70/5,00 trước thực nghiệm. Hình 4 dưới đây so sánh tỉ lệ phản hồi tích cực trước và sau thực nghiệm trên bốn chiều đánh giá then chốt:

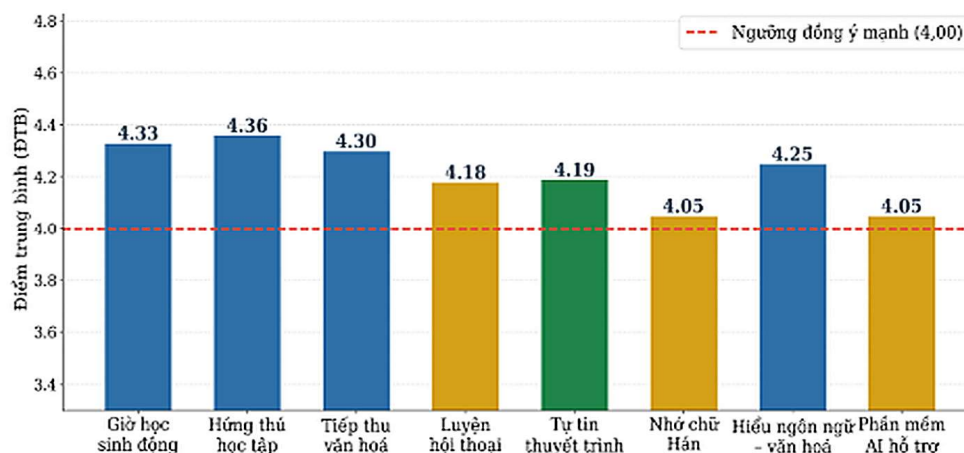


Hình 4. So sánh tỉ lệ phản hồi tích cực của sinh viên trước và sau thực nghiệm (n = 103)

Tiêu chí “mong muốn các học phần tiếng Trung khác áp dụng phương pháp tương tự” đạt điểm cao nhất (ĐTB = 4,43), cho thấy mức độ chấp nhận và kỳ vọng rất cao từ phía người học. Hình 5 thể hiện điểm trung bình chi tiết theo từng tiêu chí sau thực nghiệm.

Về phân tích định tính, quan sát lớp học cho thấy sinh viên chủ động đặt câu hỏi về văn hoá sâu sắc hơn đáng kể

so với giờ học thông thường. Thay vì hỏi “Tết Nguyên Đán diễn ra khi nào?”, sinh viên đặt câu hỏi “Tại sao người Trung Quốc cúng gà nguyên con chứ không cắt ra như người Việt?”. Đây là biểu hiện của tư duy so sánh liên văn hoá, phù hợp với mục tiêu nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá - vốn được xem là mục tiêu trọng tâm của dạy học tiếng Hán đối ngoại (Zhao, 2014).



Hình 5. Điểm trung bình các tiêu chí khảo sát sau thực nghiệm (n=103)

Tuy nhiên, thực nghiệm cũng bộc lộ một số hạn chế cần lưu ý. Thứ nhất, không phải sinh viên nào cũng có điều kiện truy cập Internet ổn định để sử dụng công cụ AI ngoài lớp. Thứ hai, nguy cơ sinh viên phụ thuộc vào AI để dịch thay vì tự tư duy bằng tiếng Trung cần được quản lý thận trọng trong thiết kế bài tập. Thứ ba, việc chuẩn bị nội dung AI đòi hỏi giảng viên đầu tư thời gian và kỹ năng kỹ thuật ban đầu khá cao. Những hạn chế này cần được giải quyết trong giai đoạn nhân rộng tiếp theo.

V. Kết luận và kiến nghị

Bài báo đã trình bày khung ứng dụng AI trong giảng dạy ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc với ba nhóm giải pháp cụ thể, được xây dựng trên nền tảng lý luận từ lý thuyết học tập đa phương tiện, lý thuyết xây dựng kép ngôn ngữ và văn hoá và các nghiên cứu về ứng dụng AI tạo sinh trong dạy học đối ngoại. Kết quả thực nghiệm tại Trường Đại học Thương mại trong năm học 2025-2026 cho thấy phương pháp tích hợp AI mang lại hiệu quả rõ rệt về điểm số, tỉ lệ viết đúng chữ Hán và thái độ học tập. AI không thay thế giáo viên; vai trò định hướng tư tưởng, truyền tải giá trị văn hoá

và tạo kết nối cảm xúc vẫn thuộc về người thầy, nhưng AI kiến tạo môi trường học tập mở rộng: môi trường luyện tập không giới hạn (hội thoại AI), môi trường minh hoạ trực quan (video AI) và môi trường tự khám phá ngữ liệu (ngữ liệu thông minh). Kết quả này cũng nhất quán với quan điểm xem AI và giáo viên là quan hệ hợp tác bổ trợ thay vì thay thế lẫn nhau.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất: (1) Các cơ sở đào tạo tiếng Trung Quốc nên xây dựng hướng dẫn sử dụng AI trong giảng dạy văn hoá một cách có hệ thống, định hướng giá trị rõ ràng và phù hợp với đặc thù từng học phần; (2) Cần đầu tư bồi dưỡng năng lực sử dụng AI cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt về kỹ năng thiết kế lệnh để tạo nội dung văn hoá phù hợp và an toàn; (3) Cần tiếp tục mở rộng thực nghiệm với theo dõi dài hạn để đánh giá đầy đủ tác động của AI đối với năng lực giao tiếp liên văn hoá của sinh viên sau tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo

Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203771587>

- Gao, L. P. (2022). 论国际中文教育语言和文化的双重建构. 上海交通大学学报 (哲学社会科学版), 30(3), 41-50. https://xueshu.baidu.com/ndscholar/browse/detail?paperid=142102x0yd790gp0mu0y0pq0jk448127&site=xueshu_se
- He, X. Y. (2023). ChatGPT 大规模语言模型兴起对语言文化教育的机遇与探索路径. 汉字文化, (11), 164-166. <https://d.wanfangdata.com.cn/periodical/hzwh202311054>
- Jiang, L. P., & Wang, L. (2021). 智慧教育视域下中文学习平台的构建: 特征、功能与实现路径. 国际中文教育, (3), 1-12. <https://xueshu.baidu.com/ndscholar/browse/detail?paperid=1c2h0p50f0510030jfl40a80xh648688>
- Kohnke, L., Moorhouse, B. L., & Zou, D. (2023). Chatgpt for Language Teaching and Learning. *RELC Journal*, 54(2), 537-550. <https://doi.org/10.1177/00336882231162868>
- Mayer, R. E. (2009). *Multimedia Learning* (2nd ed.). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511811678>
- Nguyễn, T. B. N. (2026). Nghiên cứu xây dựng mô hình dạy học hợp tác giữa AI và giáo viên tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (135), 61-67. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1120>
- Nguyễn, T. V. B. (2025). Tác dụng của AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc theo mô hình dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (Số đặc biệt 7A), 587-595. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.814>
- Zhang, H. J. (2003). 试论汉语词语的文化附加义. 汉语学习, (3), 45-48. https://xueshu.baidu.com/ndscholar/browse/detail?paperid=fedd4407136a0cc357fdd3a5e118203&site=xueshu_se
- Zhao, J. M. (2014). 国际汉语教育中的跨文化思考. 语言教学与研究, (6), 1-10. https://xueshu.baidu.com/ndscholar/browse/detail?paperid=68ed8a48c064e2e71915c8dedfdd61f1&site=xueshu_se

APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN TEACHING CHINESE LANGUAGE AND CULTURE MODULE

Nguyen Thi Vinh Binh¹

Abstract: Artificial intelligence (AI) is opening new pedagogical directions in Chinese language and culture education, extending well beyond the limitations of traditional instruction. This paper synthesises theoretical foundations, analyses current teaching conditions, and proposes three groups of AI-integrated solutions for the Chinese Language and Culture course at Thuong Mai University: AI-generated video, AI conversational assistants, and intelligent corpus-based learning. A parallel-group experiment conducted at the Faculty of Chinese Language Studies during the 2025-2026 academic year demonstrated that the AI-integrated approach yielded measurable improvements in academic outcomes and significantly enhanced students' motivation and engagement. The findings affirm that AI does not replace teachers but creates a multidimensional learning environment that enables learners to engage with Chinese language and culture more deeply and sustainably, in alignment with Vietnam's digital transformation agenda in higher education.

Keywords: AI conversational assistant, AI-generated video, artificial intelligence, Chinese language and culture teaching, intelligent corpus

¹ Thuongmai University, Hanoi, Vietnam